NĂM THỨ NĂM Số 184 Thứ năm, 26 tháng tư 1945

TRI TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

1 năm 35$00 — 6 tháng 18$00 — 3 tháng 9$00

MỤC LỤC

* Một đạo dụ, một chế độ — *Nguyễn-tường-Phượng*
* Mấy lời tha thiết . . . — *Nam-Hải cư sĩ*
* Tùy hứng — *Lãng Ngâm-Tử*
* Việt nam văn học sử (VII) — *Nguyễn văn Tố*
* Nhớ lại một buổi hội đàm với cụ Dương - bá - Trạc — *Hoa-Bằng*
* Khất thực ca — *Cách-Chi*
* Nguyễn-tri-Phương (1800 1873) (I) — *Tiên-Đàm*
* Những truyện vẻ vang trong sử Đại-Việt (II) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tài liệu đính chính văn cổ (LXXXV) — *Ưng-Hòe*
* An-tư (tiểu-thuyết, XXIX) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$70

MỘT ĐẠO DỤ, MỘT CHẾ ĐỘ

Ngày 17 tháng ba dương-lịch, đức Bảo-đại Hoàng-đế xuống dụ có ba điều đáng chú ý

1) Chế độ chính trị căn cứ vào khẩu hiệu *Dân vi quý* ;

2) Trong chính giới sẽ chiêu tập nhân tài đích đáng để chỉnh đốn nền tảng quốc gia ;

3) Tài định và tuyên bố các cơ quan chính trị để ban hành những phương-pháp hợp với nguyện-vọng của quốc dân.

Ba điều ban bố trên đáng ghi vào lịch-sử xứ này, thật là trên thuận lòng giời, dưới đẹp lòng dân, quốc dân rất trông mong ở sự thi hành triệt để khác nào như đói mong ăn và khát mong uống vậy.

Vì-sao ?

Vì nước lấy dân làm gốc, tinh thần một dân tộc rất có quan hệ mật thiết đến sự tồn tại của quốc gia, nếu căn cứ vào lịch-sử, lòng dân về ai người ấy được, sách nho có câu : « Thiên thính thị ngã dân thính, thiên thị thị ngã dân thị » (1), cũng có ý ấy

Năm Mậu-Tý, niên hiệu Trùng Hưng thứ 4 (1288), nhà Trần sở dĩ phá quân Mông cổ trên sông Bạch-đằng, đem lại giang-sơn là vì Trần quốc Tuấn trước khi chống giặc đã bỏi ý kiến các bô lão đến họp ở điện Diên-hồng.

Lại khoảng năm Mậu-Tuất (1418), Bình định vương Lê Lợi, mười năm khó nhọc, gây dựng được nghiệp đế, là nhờ lòng dân ủng hộ người vi dân trừ kẻ hung tàn.

Người dân xứ này qua nhiều giai đoạn trong lịch sử thật đã dày công xây dựng quốc gia đáng lẽ được « quí » được « thương » mới phải, trái lại, cách đây không bao xa, trong thời pháp thuộc, họ đã bị đè nén dưới một cái chính sách hà-hiếp làm tiêu ma cả tinh thần của dân tộc.

Cái nguyên nhân trước tiên là bởi họ bị coi thường, nói xa đâu, người bình dân Việt-nam chỉ cả ngày cặm cụi-làm ăn, hai sương một nắng, ở đồng, ở ruộng, thế mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc thì còn đâu mà nghĩ đến nước nữa.

Gia chi dĩ, những người mệnh danh là « phụ mẫu-của dân » phần đông thiếu lương-tâm chỉ mong vơ-vét đầy túi tham không đáy, nào có nghĩ gì đến khai dân trí, họ còn mong cho dân ngu để dễ làm những việc tùy sở thích của họ.

Trong đạo dụ vì vậy có nói đến cả việc chiêu tập nhân tài.

Ở nước ta, sự kén chọn nhân tài, thời xưa cũng như gần đây, đều căn cứ vào khoa cử, bằng cấp, nhưng chúng tôi tưởng như thế chưa hẳn đã là phương pháp hoàn toàn, vì người tài cần phải có đức, nữa mới cảm hóa được dân mà người đủ tài đủ đức mới đáng gọi là nhân tài chân-chính.

Vả, những gương sáng đời trước hầu như đã xóa-nhòa trong lòng những người có trách-nhiệm trạch dân thời việc lựa chọn tưởng nên chú trọng vào cả tài lẫn đức.

Nếu một khi nhà nước dùng được người tài đức vẹn hai ra gánh vác, đảm đương những trọng trách, lại thêm vào đấy cái chính sách « thân-dân », thế tất đến « dân nguyện » thời nền tảng quốc-gia xứ này có thể phục hưng.

Được như vậy, đạo dụ ngày 17 tháng ba đáng ghi vào trang đầu lịch sử của nước Việt-Nam độc lập.

NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG

(1) *Giời nghe nơi dân nghe, giời trông nơi dân trông*

MẤY LỜI THA THIẾT

ngỏ cùng những người đã làm giàu một cách phi nghĩa

NAM-HẢI cư sĩ

Dưới chế-độ bóc lột, giam ám của bọn thực dân Pháp, các ngài đã dùng những thủ đoạn phi nghĩa để trở nên giàu có, lại còn sung cả là đẳng khác. Những thủ đoạn phi nghĩa chẳng hạn như : bán máu đồng bào, cúi luồn kẻ địch tham nhũng dân đen, đầu cơ thóc gạo, vân vân.

Các ngài nên hiểu : Không có công nào không có thưởng, mà không có tội nào không có phạt.

Các ngài đã có tội đối với dân với nước, các ngài đừng tưởng rằng rồi đây không có sự trừng phạt xứng đáng, mà các ngài cứ được an nhiên hưởng cái của phi nghĩa mãi mãi. Kia biết bao nhiêu tòa án sẵn sàng để xử những tội đó : tòa án lương tâm, tòa án dư luận, tòa án của một chính phủ độc lập, tòa án của giời, và một thứ tòa án đáng ghê sợ nhất là thứ tòa án của những kẻ đã bị lay các ngài, số tự mình đặt ra.

Hiện giờ tuy các ngài còn ở ngoài vòng của một đôi tòa án kể trên này, các ngài chớ vội lấy làm mừng.

Nhưng... — Ở đời việc gì cũng có một chữ « nhưng »... — Nhưng theo nghĩa hiếu sinh của giời, từ nghìn xưa đến giờ vẫn có lệ *chuộc tội*, để cho những người có tội có dịp chuộc hết tội lỗi của mình đã làm mà cải ác vi thiện, cải tà quy chính.

Nếu các ngài hoặc sợ tòa án của quốc dân, hoặc sợ tòa án của thiên lý, hoặc là sợ tòa án của lương tâm, mà thực lòng muốn chuộc tội, thì ngu này xin hiến các ngài một kế mọn như sau này :

Hiện giờ dân ta đương lâm vào nạn đói kém, kẻ chết nằm đầy đường, ai ai cũng được mắt thấy tai nghe, cảnh thê thảm không sao kể xiết. Các ngài nên nhân dịp này bỏ ra năm mươi phần trăm cái số của phi nghĩa mà các ngài đã vơ vét được dưới chính thể Pháp, hoặc bằng thóc gạo, hoặc bằng tiền tài, đem sung vào công quỹ cứu tế.

Những điều ác mà trước kia các ngài đã phạm, cũng nhiều khi vì tình thế bắt buộc, quyền lực cưỡng bách, thì nay có thể chuộc lại được bằng sự cứu sống một số đông đồng bào sắp sửa chết đói.

(Xem tiếp trang 20)

西宮夜靜百花香
欲捲珠簾春恨長
斜抱雲和深見月
朦朧樹色隱朝陽

Tây-cung xuân oán

Tây cung dạ tĩnh bách hoa hương
Dục quyển châu liêm xuân hận trường
Tà bão vân hòa thâm kiến nguyệt
Mông lung thụ sắc ẩn Chiêu-dương

VƯƠNG-XƯƠNG LINH

Xuân Tây-cung

Đêm thanh, hoa nở đầy cung
Rèm châu muốn cuốn, nấu nung xuân tình
Luồn mây, vừng nguyệt chênh chênh
Lờ mờ xa lẫn bóng cành Chiêu-dương.

LÃNG-NGÂM-TỬ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 7

Ưng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Trang 69 tờ quyển *Việt-Nam văn-học sử-yếu* Ông Dương Quảng Hàm viết một câu rằng: « Bấy giờ (hồi đức Nguyễn-Ánh còn xưng vương) trong nước loạn lạc, việc học việc thi chữ nho khoáng-phế đã lâu ». Câu ấy nhầm, vì mỗi khi có những cuộc chinh-biến, thì phần nhiều chỉ rối-loạn ở Kinh-đô và các tỉnh-thành, trong nước vẫn học-hành làm-ăn như thường. Và lại, không có sách-vở nào chép là « việc học việc thi khoáng-phế đã lâu ». Mà hồi đức Nguyễn-Ánh xưng vương, từ năm 1780 đến năm 1801 ở Bắc-kỳ hãy còn ba khoa thi tiến sĩ, là khoa 1781, 1785 1787 và một khoa thi chế-khoa năm 1787 (xem *Đăng-khoa lục* q. 3, tờ 67 b đến 68 b). Từ năm 1789 nhà Lê mất, Tây-sơn nổi lên, thì hiện những sách vở còn lại, không thấy chép rõ đời Tây-sơn có mở khoa thi hay không (vì triều Nguyễn cho Tây-sơn là ngụy triều, nên sách vở phần nhiều đốt). Nhưng cứ xem như bộ *Đại-Việt sử-ký tiền biên*, khắc trong đời Tây-sơn, trong tựa có nói « Nguyên bản thất lạc, biên tập các di-thư ở các sử-gia, làm ra bộ này, giao Bắc-thành học-đường ấn-hành », thì biết Tây-sơn không phải không lưu tâm đến sự học. Dưới bài tựa ấy có đề niên-hiệu Cảnh-thịnh thứ tám (1800) mà hiện những sách còn lại đều xóa hai chữ cảnh-thịnh: một quyển sử không đính-đáng gì đến chính-trị mà còn thế, huống chi là những sách nói đến chính-trị Tây-sơn thì còn sao được? Vả lại, sau khi nhà Lê mất, văn-thần của nhà Lê theo Tây-sơn cũng nhiều, như Ngô-thì-Nhậm, Phan-huy-Ích, Nguyễn-thế-Lịch, Nguyễn Nha (đều đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1775) Nguyễn-Du (đỗ nhị-giáp khoa 1785 không phải tác-giả truyện *Kiều*), Nguyễn-bá-Lan (đỗ tam-giáp khoa 1785), Nguyễn bá Lãm đỗ chế-khoa năm 1787), Vũ huy-Tấn, Đoàn-sĩ-Tuấn (xem *Đại-Nam liệt-truyện sơ-tập*, q. 30, tờ 28 b)... Trong các ông ấy có Ngô-thì-Nhậm, Phan-huy-Ích nổi tiếng văn-chương sang tận Tàu, di-bút hãy còn truyền lại đến giờ (xem *Ngô gia văn-phái*).

Ở Trung, Nam-kỳ Chúa Nguyễn Ánh cũng có mở khoa thi vào năm 1791 và năm 1796 (xem *Đại Nam liệt truyện sơ tập*, q. 5, tờ 7 b, dòng 6 và q. 19, tờ 7 a, dòng 7, tờ 7 b, dòng 7). Lại còn một lẽ nữa, là các sử sách chỉ chép những khoa thi tiến-sĩ và chế-khoa, còn những khoa thi hương thị sinh-đồ thì không rõ, chỉ thấy trong tiểu-truyện các bậc văn-thần có những câu: « Đặng-đức-Siêu,... niên thập lục, lĩnh hương-tiến », nghĩa là: « Đặng-đức-Siêu,... mười sáu tuổi, đỗ thi hương » (*Đại-Nam liệt truyện sơ tập*, q. 10, tờ 30 a) và « Đặng-trần-Thường... Lê mạt sinh-đồ » nghĩa là « Đặng trần Thường... đỗ sinh-đồ hồi cuối Lê » (*Đại-Nam liệt truyện sơ tập*, q. 27, tờ 15 a), chứ không chép rõ thi hương năm nào, đỗ sinh-đồ năm nào. Cho nên không thể biết hồi ấy có mấy khoa thi. Dù thế nào cũng không nói được rằng: « Việc học việc thi khoáng-phế đã lâu ».

Ông Hàm lại nói: « Vả các tướng tá quân-nhân cũng ít người biết chữ, nên phải dùng tiếng nôm cho tiện » (tr. 69). Câu ấy cũng không đúng, vì cứ xem như đạo dụ của đức Nguyễn-Ánh mà Ông Hàm in lại ở trang 72, 73 và 74 trong quyển *Việt-Nam văn học sử yếu*, thì chính người giỏi chữ nho mới làm nổi bài ấy, mà người thông chữ nho mới xem nổi văn ấy, thế thì không thể nói rằng « ít người biết chữ, nên phải dùng nôm ».

Còn như tướng tá của đức Nguyễn Ánh, thì xem trong bộ *Đại-Nam liệt truyện, sơ tập*, có đến hàng trăm người học giỏi, văn hay, không thể kể hết ra đây; chỉ chép những ông có đặc-sắc trong đời đức Nguyễn-Ánh: Ông Hàm cũng có chép sáu người có danh tiếng, nhưng lại chép thiếu (như thế thì trái với câu « ... ít người biết chữ... » của Ông nói ở tr. 69) nên tôi chép thêm một ít nữa, để thêm tài-liệu vào sử văn học nước nhà.

Đặng-đức-Siêu đỗ hương-cống, dạy học trò, giúp chúa Nguyễn, có làm bộ *Thiên-nam thế-hệ* (*Đại-Nam liệt truyện sơ tập*, q. 10, tờ 3 a đến 9 b: Ông Hàm chép ở tr. 309, nhưng chỉ

thiếu). — Lê-quang-Định đi sứ Tàu biện luận hiệu nước, có dâng bộ *Đại-Việt nhất-thống dư địa-chí* (*Đ. n. l. tr.* q. 11, tờ 1 a đến 3 b; ông Hàm chép ở tr.345, nhưng cũng thiếu). — Trịnh-hoài Đức dùng đầu văn-ban đời Gia-long có dâng hai bộ *Lịch-đại kỷ-nguyên* và *Khang-tế lục* và có bộ *Gia-định-thành thông-chí*, *Cấn-trai thi tập*, *Bắc sứ thi-tập*. Trịnh-hoài Đức, Lê-quang-Định và Ngô-nhân-Tĩnh là ba nhà có tiếng giỏi thơ ở Gia-định, nên có tập thơ đề là *Gia-định tam-gia thi-tập* (*Đ. n. l. tr.* q 11 tờ 3 b đến 12 a; ông Hàm, chép ở tr. 345 nhưng bỏ sót tên sách). — Ngô-nhân-Tĩnh văn-học yêm-bác, có thơ xướng họa in trong tập *Gia-định tam-gia thi-tập* (*Đ. n. l. tr.* q. 11, tờ 12 a đến 13 b; xem sách ông Hàm, tr. 345 — Võ Trinh, đỗ hương cống, dạy học-trò, có bộ *Sử Yên thi-tập*, *Cung-oán thi tập*, *Kiến-văn-lục* (*Đ. n. l. tr.* q. 20 tờ 12 a đến 15a; xem sách ông Hàm, tr. 341). — Nguyễn Du, tác-giả truyện *Thúy-Kiều*, có bộ *Bắc-hành thi tập* bằng chữ Hán (*Đ. n. l. tr.* q. 20, tờ 8 a đến 9 b).

Trần-hưng Đạt cùng em là **Trần-hưng Đức** ẩn vào Nam dạy học-trò, năm 1802 vua Gia-long mới lên ngôi, Đạt và Siêu bàn lễ xét văn, đổi mới chế-tác (*Đ. N. l. tr.* q 5, tờ 3 b đến 5 b).

Phạm-đăng-Hưng, quê là Đăng-Long, nổi tiếng văn-học, ở ẩn dạy học-trò Hưng đỗ tam-trường khoa bính-thìn (1796) bổ phủ-lễ-sinh sung công-sĩ-viện (*Đ. N. l. tr.* q. 5, tờ 7 a đến 14 a).

Ngô-tùng-Chu, học-hạnh thuần-chính, làm chức-nhị đông-cung, tử-tiết ở thành Bình-định năm 1801 (*Đ. N. l. tr.*; q. 5, tờ 15 a đến 27 a).

Nguyễn-văn-Nhân, xuất thân đội-trưởng, sau khi vua Gia-long đại-định, Nhân có dâng 14 điều, trong có việc lập hương học, định cách thi (*Đ. N. l. tr.* q. 7, tờ 1 a đến 10 a

Nguyễn-thái-Nguyên, giám khảo khoa bính-thìn (1796) lấy học Phạm-đăng Hưng đỗ, đời khen là tri-nhân. (*Đ N. l. tr.* q. 9, tờ 1 a đến 4 a).

Nguyễn-Đỗ đỗ hương-cống, sau làm đến phụ-đạo trữ-cung (*Đ. N. l. tr.* q. 9, tờ 4 b đến 5 b).

Nguyễn-bảo-Trí vốn người học tạm, có dạy học-trò, Phạm-đăng Hưng là học-trò Trí Trí tiến cử (*Đ. N. l. tr.* q 10, tờ 1 a đến 2 b).

Phạm-như-Đăng, sung bàn-lâm đời chúa Nguyễn, có điều-trần 12 việc, trong có việc nhất khoa thi lấy học-trò (*Đ. N. l. tr.* q. 10 tờ 10 a đến 14 a).

Hoàng-ngọc-Uẩn, văn học nhân tuấn, sung việc bàn-lâm (*Đ. N. l. tr.* q. 12, tờ 1 a đến 2 a).

Lê bá-Phẩm, vâng xem văn sử, bổ thị-học quốc-tử-giám (*Đ. N. l. tr.* q. 12, tờ 2 a đến 4 a).

Nguyễn-đình-Đức người văn học thi lễ bổ-phủ lễ sinh, sung công-sĩ viện (*Đ. N. l. tr.* q 12, tờ 4 a đến 5 a).

Nguyễn-đăng-Hựu, sơ bổ Gai-cơ vua Gia-long thấy học-lực giỏi, cải bổ bàn-lâm. (*Đ. N. l. tr.* q. 12, tờ 5 a-6 b).

Nguyễn-tường-Vân, nhị-trường trúng-cách khoa bính-thìn (1796) bổ phủ lễ-sinh, thăng thị-thư-viện, vua Gia-long khen Vân đủ tài chính-sự văn-học (*Đ. N. l. tr.* q. 12, tờ 6 b 9 a).

Nguyễn đức-Huyên, người văn học, bổ thị thư-viện năm 1796 (*Đ. N. l. tr.* q 12, tờ 9 a-10 b).

Nguyễn-tăng-Địch, lúc trẻ đầu quân làm Cai-án, khoa 1791 vừa thi trúng-cách, bổ viện cống-sĩ (*Đ. N. l. tr.* q. 12, tờ 10 b 11 a).

Nguyễn-Doãn Thống gia thế thi thư, Thống nhung thị vua Gia-long đọc sách (*N. n. l. tr.* q. 12, tờ 11 a-b).

Nguyễn xuân-Thục có văn học, gặp loạn, tòng quân, theo Võ-tánh, sau làm đến thượng-thư sung đề đốc trường thừa-thiên năm 1825 và làm chủ khảo thi hội năm 1826 (*Đ. n. l. tr.*, tờ 13 b-15 a).

Trần-công-Hiến, là người học-trò, mộ nghĩa-binh, dự các mưu-sách, đi theo chúa Nguyễn, sau làm đến trấn-thủ Hải-dương ngoài tại giữ vệ quan có soạn bản *Đại-Việt thủy lục trình kỷ*, và *Hải-dương phong-vật kỷ*, lại mua riêng những bản *Chu-tử cương mục Liễu-Phàm cương-giám*, sai đồ-học tự-giáo và hương-công bữa-lại, gọi là *Lịch đại sử toản-yếu*, và chọn những văn-thể từ-trường đời cổ Lê, cho khắc in để công truyền (*Đ. n. l. tr.* q. 16 tờ 18 a-22 b).

Nguyễn duy-Hàn, **Đỗ-thành-Lâm** và **Ngô-đức Tuấn** đều có tiếng văn học, vào Gia định theo chúa Nguyễn được bổ bàn-lâm (*Đ. n. l. tr.*, q. 18 tờ 10 b)

Bạch-doãn-Triều, đỗ hương-công khoa 1764, sau làm đến thượng-thư, văn-chương còn truyền-tụng ngày nay (*Đ. n. l. tr.* q. 19, tờ 2 a—3 a).

(Xem tiếp trang 13)

NHỚ LẠI MỘT BUỔI HỘI-ĐÀM VỚI CỤ

Dương Bá-Trạc

HOA-BẰNG

Hôm ấy là ngày 25 tháng mười 1935, tại nhà in Đông-tây, tôi gặp cụ Dương Bá-Trạc, người vạm-vỡ, đầy-đà, mặt to, nước da ngăm ngám, mắt tinh-tạc, về người bủng-nghỉ, điềm đạm trong chiếc áo trắng dài không vỉ.

Câu chuyện ngẫu nhiên trong một buổi hội-đàm tình cờ ấy tuy chỉ là những ý-kiến trao đổi một cách ứng-khẩu, nhưng thấy có nhiều điều đáng ghi, nên thoát lại ra đây để kỷ-niệm một bậc đàn-anh trong văn-học giới mới mất ở bãi ngoài.

* * *

— Tôn giáo nào cũng hay cả, cụ Dương nói, sau khi vin xe điếu ống để hút thuốc lào. Rồi cụ lại hăng-hái tiếp :

— Sở dĩ có lẽ là chỉ tại những người theo tôn-giáo sau đây làm sai-lạc đi thôi ! Các đạo chỉ khác nhau cái nghi-thức, chứ tinh-thần thì giống nhau cả.

— Phải, tôi đáp, nếu đã là tôn-giáo chân-chính thì không kẻ nào kỳ-thị nhau hết. Có lẽ ở trên Thiên-đàng bây giờ, các vị Giáo-chủ đương bắt tay nhau đấy !

— Không có tôn-giáo thì hỏng hết !

— Nhưng xin cụ nên phân-biệt tín-ngưỡng (foi religieuse) với mê-tín (superstition).

— Hai cái cũng không phân-biệt cho lắm. Đã *tin* quá cái gì rồi cũng thành *mê*. Một người đã tín ngưỡng, tín ngưỡng cho đến rõ chân-thực thì cũng bỏa ra mê tín. Mà có mê mới được việc chứ ! Chúng tôi không mê [illegible] ông cử, cái ông nghè, thì cũng chẳng bợc nho đâu.

Tôi nhích một nụ cười rồi nói :

— Nhưng mê tín có hại, cụ ạ !

— Chẳng hại gì cả ! Có hại chăng là chỉ hại vì những kẻ lợi dụng cái mê tín của người khác. Nhảy đồng, nhảy bóng, cũng tốt ! Vì họ còn biết làm thiện, không dám cản đỡ làm ác, thật họ tốt hơn những kẻ miệng nói không có tôn giáo thì mới vô-sở kỵ-đạn : chẳng kiêng điều ác nào mà không dám làm ! Đồng bóng không có tội mà ! không có hại mà ! Chỉ những đứa lợi dụng đồng-bóng thì mới có tội, có hại !

— Cụ bảo những người mê tín đồng bóng làm thiện sao ? Tôi thấy nhiều khi họ đi chửi, cãi nhau vô-duyên chuối ! Họ còn thám, xăn, xỉ lắm !

— Ô, trừ cụ Thích-Ca, tôn ở đời ấy là hăng thám, xăn, xỉ ? Đã là loài người thì thám, xăn, xỉ lắm !

Bấy giờ tôi muốn xoay qua mệnh đề khác, liền hỏi :

— Theo ý cụ, thì đạo Khổng có phải là một tôn-giáo không ?

— Không ! cụ Dương quả quyết. Nhưng cái tinh-thần « vô ngã » của cụ Khổng thì cũng thành tôn-giáo rồi.

— Cụ theo Khổng-giáo, thế cụ đã « vô ngã » chưa ?

Nghiêm nét mặt, cụ Dương hỏm tiếng :

— Tôi đâu đã được vào bậc « vô ngã » !

— Ngỡ cụ đã vô ngã ? Tôi sẽ « mượn » cái áo của cụ, vì tôi đương thiếu mặc đây !

Nhoẻn miệng, chúng tôi cùng cười...

* * *

Bốc theo khi nóng một ngày cuối thu, nhịt độ câu chuyện của chúng tôi bấy giờ có lẽ đã lên cao lắm. Tiếng cụ Dương rang-rang, tỏ ra một người đã có tuổi nhưng vẫn khỏe-mạnh, hăng hái, vui chuyện.

Chúng tôi lại nhảy sang vấn-đề Nho, Thích.

Tôi gọi trước :

— Cụ đã là một nhà theo Khổng, sao lại còn theo Phật ? Nếu theo cho thật đúng Khổng, thì không bao giờ điều-hòa với Phật được. Vì

một câu « vị tri sinh, yên tri tử » (1) của Khổng đủ khác với Phật rồi !

Cụ Dương đáp :

— Khổng cũng như Phật, Phật cũng như Khổng, xưa nay Nho Thích vẫn hợp nhất.

— Không ! Hai đằng, nếu cứ theo cho thật đúng, khác nhau lắm.

Tôi đứng phắt dậy, làm tư thế (geste) một người đi, rồi tiếp :

— Đạo Khổng như một người đi đường, nhưng ngó xung quanh mình. Còn đạo Phật thì như người đi đường nhưng ngảnh lại ngó về đằng sau. Vậy cụ bảo hợp nhất thế nào được ?

— Phật chú trọng hiện tại lắm chứ ? Có phải ngó về đằng sau đâu !

Tôi tiếp :

— Vậy xin hỏi : Văn-hóa Ấn-độ có phải là do tinh thần đạo Phật mà ra không ? Chính văn hóa ấy như người đi đường, chỉ chăm ngó về đằng sau !

— Văn hóa Ấn-độ chưa chắc đã là do đạo Phật mà gây ra cả.

Nhân thấy trên bàn trước mặt cụ Dương có ấm nước chè và bộ đồ trà, tôi liền nhớ đến ông Nhan-tử khi xưa ở lậu hạng, uống nước lã, bèn hỏi :

— Nếu theo cho đúng chân tướng nhà nho, thì cụ phải ở lậu hạng như Nhan-tử kia, chứ ra làm báo, làm nhà in làm chi nữa ?

— Ở lậu hạng, cụ Dương mạnh miệng nói, chỉ là nói về tinh thần, chứ đã làm việc thì còn quản việc gì mà chẳng làm ?

— Kia tôi vừa trỏ bộ đồ trà vừa nói, cụ uống nước chè làm chi ? Sao không cứ uống nước lã, ở lậu hạng, thì mới là Nhan-tử chứ ?

— Gặp nước chè thì uống nước chè, gặp nước lã thì uống nước lã, nếu cứ một mực uống nước lã cả, cũng là gàn !

— . . . . .

***

Tôi đã toan đi, song thấy cụ Dương còn đương vui-vẻ thích nói, nên tôi lại ngồi rốn một chút xoay qua mệnh-đề khác.

— Thưa cụ tôi hỏi, cứ bình tĩnh mà nói, thì Nho giáo có còn thích-hợp với trình-độ và hoàn cảnh của xã hội ta nay không ?

— Thích hợp lắm chứ ! cụ Dương dõng dạc mạnh bạo đáp. Đời đời, kiếp kiếp, không khi nào bỏ Nho giáo được. Nếu bỏ Nho giáo thì chết ngay ! Nho giáo không những thích-hợp với xã hội ta đây, mà lại thích-hợp với cả xã-hội Âu-tây nữa. Rồi xem Âu-tây rồi cũng phải quay đến Nho-giáo mới xong !

Thấy cụ Dương có cái tư tưởng như Cô-Hồng-Minh bên Tàu, tôi lại càng khích thuyết :

— Ở đời, nếu thấy mình còn thua kém, còn thiếu thốn, thì mới phải học người, thấu thái của người. Nếu mình đầy-đủ thích-hợp cho mình rồi, thì cần chi nữa ? Ngay như cụ đây đã theo Nho, lại còn phải theo Phật, để tỏ ra rằng Nho không đủ cho cụ dùng. Xin thí dụ : Một áo Nho, một áo Phật. Bây giờ áo Nho cạn nước, còn áo Phật vẫn đầy, bèn chảy ọc nước sang bên áo Nho. Đã áo Nho cạn nước, nước áo Phật mới tràn vào được ; nếu nó đầy ắp, nước đâu còn chảy được vào ?

— Thế là ông lấy kết quả mà bàn việc ; lấy thành bại mà luận anh hùng ! Chẳng khác nào cũng một Nã-phá-luân, khi thắng trận thì được ông khen là anh hùng, khi phải giam ở đảo Liên thì bị ông kêu là một tên tù ! Ông nên biết cho rằng, Nho chú trọng về hiện-tại, Phật chú-trọng về tương lai, nhưng tinh thần hai đằng cũng vẫn là một.

Nhân được lẽ hở của cụ Dương, tôi cười khanh khách :

— Ồ ! Phật chú-trọng về tương lai ? Ấy thế thì vừa nãy tôi nói nhà Phật ngó lại đằng sau là phải lắm chứ ? Tôi biết rằng đạo Nho bị người ta lợi dụng đã lâu, đạo Nho ngày nay không phải là đạo Nho thuần tuý. Vậy cụ có thể khôi-phục cho nó đúng được bản tướng của nó không ?

Cụ Dương bèn trỏ tay lên trần nhà mà nói :

— Cái nhà này tuy hơi nát đấy thật, nhưng lỡ phắt đi thì lấy gì mà ở ?

Thế rồi cụ Dương cất giọng tranh vấn :

— Người mình chỉ được một cái tốt là gia-đình có rất-tự. Vậy mà nay người ta mà chực phá đi nốt thì còn gì nữa ? Trong một nhà đông, nếu không có trật tự, thì có sẽ ngập đầu nhà chứ ?

(Xem tiếp trang 20)

(1) Chưa biết chuyện sống đã biết đâu được đến chuyện chết.

KHẤT THỰC CA

Tặng các em trong ban Khất Thực, để hát trong khi đi làm việc bổn phận

Bọn Pháp tặc, lòng lang dạ sói
Vợ của ta, đẩy tù chặt bạo,
Bắt đánh ta phải đan lưỡi,
Lo sưu, lo thuế, lo bảo nhiều bề!
Cùng còn chứa nơ thể cho chớ,
Nhân chi tranh, vẽ cớ vết thêm:
Bao nhiêu tiền lúa mùa chiếm,
Thu cho kỳ hết, tàng tiềm khắp nơi
Gạo rồn nước lạ thời thiếu bữa,
Tấm nuôi bò, lấy sữa chăng xơi;
Lại còn cần chạy xe hơi,
Các đồng lấy rẫy rong chơi thong ngày!
Đất Bắc vốn xưa giàu phong phú,
Nhờ giời cho, đất đủ nơi dân,
Còn thừa xét cảng xa gần,
Hàng năm cung góp một phần lớn lao.
Từ tranh chiến phát vào Đông-Á,
Đường xuất dương cáo ngã không thông;
Đáng ra thóc lúa đầy đồng,
Dân ăn thừa mãi no lòng khỏe thân
Thế mà đến mười phần đói chín!
Người có tiền, bữa nhịn, bữa ăn?
Kẻ nghèo, củ chuối, rễ cần,
Nặm thì một nắng đỡ đần gả nơ?
Chồng bỏ vợ, hết cơ đùm bọc;
Mẹ bỏ con nằm khóc gốc cây?
Từ quê đến chợ, đó đây,
Lũ năm lũ bảy, từng giây từng đàn!
Trông như kẻ mười ngàn thần chết
Bỏ âm-dương, kéo hết lên trần;
Manh buồm chẳng đủ che thân!
Anh em ta đó! đó dân Lạc Hồng!
Rồi đến lúc nơi cùng sức kiệt,
Lăn bên đường, nằm chết quắp co!
Qua đông phút đến xuân sơ,
Mà người chết đói có dư thiệu rồi!
Rồi đây lấy đâu người bày cuộc?
Ruộng bỏ hoang đâu thóc ta ăn?
Lấy đâu người để xung quân,
Giữ gìn đất nước, cho dân ăn làm?
Vì đâu kẻ, thiếu cơm, thiếu cháo?
Vì đâu người, không áo không quần?
Cảm thay bọn giặc Pháp bất nhân!
Thương thay! dân Việt quá thân trâu bò
Kẻ thì chết, mà hồ thương hại
Ta là người, sao lại bỏ ta?
Xẻ cơm, chia cháo, mới là!
Mái đây tổ điển, sơn hà nước Nam.

CÁCH-CHÍ

NGUYỄN TRI PHƯƠNG

(1800 - 1873)

Gần thành phố Hà-nội, có gò Đống Đa. Trên gò có một ngôi đền nhỏ, cách 20 năm trước gọi là đền Trung-liệt thờ 3 vị liệt sĩ: Nguyễn-tri-Phương, Hoàng-Diệu và Đoàn-Thọ. Về sau không biết kẻ nào vô ý thức đã dám đứng ra trùng tu đền rồi cải gọi là « Đền Trung Lương ».

Năm 1920 tôi có dịp cùng các bạn trẻ lên viếng đền còn thấy trên vách đề bài thơ sau đây.

Núi Thái, lòng hồng đọ với nhau,
Một nền chính-khí trơ mưa-gió,
Nợ với giang sơn đành phải giả,
Lòng trung chỉ có lòng trung biết.

Nước đau nào quản đến thân đau
Ba khối hùng-tâm trọi bể dâu,
Người mà sà-hủy kể vào đâu!
Đỗ Phủ ngày xưa khóc Vũ Hầu.

Tương truyền bài này của ông Phan-văn-Ái, người làng Đồng-Thái (Bắc-Ninh), đỗ Phó bảng, làm tham biện nha Kinh-lược. Bài thơ ấy đã lột được hết tinh thần của ba liệt sĩ vì nước mà liều mình. Nay chép lên đây để biểu dương lòng trung nghĩa người xưa tức như phảng phất còn thấy chút anh hồn.

Về tiểu sử ông Hoàng-Diệu ông Khuê-Trai viết đã đăng Tri-Tân số 181 nay xin lục đăng hành trạng ông Nguyễn-tri-Phương cũng là liệt sĩ chết theo thành Hà nội. *T. Đ.*

***

Nguyễn-tri-Phương, tên cũ là Nguyễn-văn-Chương, tự Hàm-trinh hiệu Đường-xuyên; là con một nhà làm ruộng ông Nguyễn-văn-Đăng và bà Nguyễn-thị-Thể, người làng Chí-long, tổng Chánh-lộc, huyện Phong-điền tỉnh Thừa-thiên. Ông sinh năm Canh-thân (1800) tại bản quán làng Chí-long, lúc nhỏ tính khí khác thường, ít nói mà hiếu học; cha mẹ đón thầy cho học tập.

Đến năm 18 tuổi (1) là năm Minh-mệnh nguyên niên (1820), vì nhà thanh bạch không đủ lực theo học cử nghiệp, phải xin vào làm thư-lại, ở bộ Hộ. Một ngày, vào yết-kiến quan thượng-thư bộ ấy là Nguyễn-đăng-Tuân, quan thượng thấy ông ít tuổi mà dung mạo khôi ngô, nói năng chỉnh-đinh, lấy làm khen lắm, mới truyền cởi áo để ông xem tướng. Xem xong, ông bảo rằng: « Ta xem tướng nhiều người đều thua tướng con ta (con giai quan thượng đây là Nguyễn-đăng-Giai sau làm kinh-lược Bắc-kỳ tức cụ thượng Giai) nhưng xem thầy trạng mạo và cốt cách hơn con ta nhiều lắm. » Từ đấy quan thượng Hộ rất thương yêu bắt ở hầu để giúp việc tính toán về binh dinh và điền tịch; lại thấy ông viết chữ rất tốt, sai viết cả các phiếu, sớ ở Bộ.

Ở Hộ bộ được ba năm, quan thượng thấy ông thông minh khác thường làm việc mẫn cán, bụng dạ lại khảng-khái, trong bàng lại-điền ít ai bì kịp, mới làm sớ dâng lên đức Minh-Mệnh xin trọng dụng. Vua Minh-mệnh truyền dẫn vào triều kiến, vua thấy khen rằng: « Người này dung mạo hơn người, thật rõ không phụ nhời tiến cử của thầy thượng Hộ » rồi truyền đem giấy mực sai ông làm một tờ sớ, sớ xong dưng lên, vua khen rằng: « Dù bậc đại-khoa cũng không hơn được »

Năm Minh-mệnh thứ tư (1823), được bổ làm biên-tu ở Nội-các. Năm Minh-mệnh thứ tám (1827), thăng thị-độc, năm Minh-mệnh thứ 10 (1829), thăng thị-giảng học sĩ, tham biện Nội-các và năm thứ 12 (1831), thăng Hồng-lô tự khanh.

Đức Minh-mệnh rất tin cẩn, sai ông qua Lữ-tống mua hàng, rủi phải giá khí cao, các quan ngự-sử đàn-hặc, tâu xin giáng ông xuống viên-ngoại bộ Hộ. Năm Minh-mệnh thứ 14 (1833), lại được phục hàm Hồng-lô tự khanh lĩnh tham biện Nội các.

(1) *Gia phả nói 18, nhưng tính đến Minh-mệnh nguyên niên thì là 20 tuổi.*

Năm thứ 15 (1834), được thực thụ thị-lang nhưng vẫn ở Nội-các.

Một ngày kia, vua Minh-mệnh xuống các, dậy rằng: « Đạo khâm-sai Gia-định bấy lâu nay không nghe đánh dẹp (2) thế nào cả, vậy khanh hãy vào đó xem xét tình hình ra sao, rồi sớ về cho ta hay ». Ông vào Gia định, chạy sớ về xin ở lại cho quân thứ để hiệp đồng dẹp giặc, vua Minh-mệnh ban khen.

Đến ngày lâm thành, ông xin quan Tiết-chế quân vụ đại thần đem binh đi tiền đạo, một mình lên thành trước, quân binh theo sau, đánh phá, mở cửa thành cho quân của Triều đình kéo và vào. Lên thành thượng, chạy sớ về bàm cho Minh-Mệnh đẹp lòng lắm, phán với Triều đình rằng: « Nguyễn văn Chương tuy làm quan văn, mà biết việc binh, xông trận tiến sĩ tốt đáng thành, đã mạnh lại có mưu, vậy thăng làm tham tri và ban cho một cái ngọc-bội ».

Năm Minh-mệnh thứ 18 (1837), vua sai ông vào tra xét trong nội vụ, ông không xét kỹ vua Minh-mệnh quở trách sai thượng thư bà Hồ là Hà-duy-Phiên cùng mấy ông ngự-sử xét lại. Thấy ông Nguyễn-văn-Chương xin mách bảo tây dương bố (vải-trắng) quá, phát mãi kéo làm ngày mục đi, quan thượng Hộ nói: « Nguyên tuổi bố (vải) nhà ngày trước ông quan Lũng mua về, hoen ố nhiều lắm, nay lại xin phát mãi đi thì chẳng khỏi điều quan ngại ».

Ông Nguyễn-văn-Chương to tiếng cãi lại rằng: « đó là lỗi viên chủ-thủ bất cẩn, nên sinh ra hoen ố, nay các ông trở lại hão tôi! Sự sống, chết, hơn phúc cũng còn có lịnh Thiên-tử; các ông hiệp-hiềm thì làm gì được tôi! » Quan thượng Hộ tức giận, làm sớ tham dâng lên vua Minh-mệnh phán rằng: « Làm bầy tôi nhỏ mà lớn tiếng, mắng bầy tôi lớn thì đáng cách chức và giao cho bộ Hình định tội ». Ông xin và thỉnh tội; vua phán hỏi: « Như việc nhà ngươi làm đáng tội gì? » Ông quỳ xuống đất lạy xin tội chết. Bộ Hình xét xong tự lên, chiếu theo luật, tội mắng đại thần thì phải bỏ tù; đức Minh-mệnh phán rằng: « Tôi này xét ra siêng năng và có công lao, ta tha tội tù chốn nó, chỉ giáng xuống làm thừ lại ở Nội-vụ ».

Đến mùa đông năm ấy, lại cho khai phục hàm chánh sự sung chức lang trung lĩnh bộ lý trong Nội-vụ.

Năm Minh-mệnh thứ 19 (1838), thăng thị-lang bộ Lễ sung Nội-các, lại cho ăn lương hàm nhị phẩm.

Năm Minh-mệnh thứ 21 (1840), bổ vào tuần phủ Quảng Nghĩa (Quảng-nam Quảng nghĩa). Khi vào bái mạng, vua phán rằng: « Trong tỉnh Quảng-nam có cửa bể Đà nẵng nên đặt thêm đồn lũy và nhà trí súng để phòng bị khanh vào đó: nhân quan tâm [illegible] trước [illegible] ».

Vào đến nơi, ông xuống ngay Đà nẵng, khám xét hình thế, dâng sớ tâu rằng: « Đà-nẵng quả là cửa bể sung yếu, nên đặt súng để phòng thủ », rồi vẽ bản đồ làm thêm bao nhiêu đồn, bao nhiêu nơi trí súng, cước chú rõ ràng dâng về vua xem, đức Minh-mệnh đều y theo hết.

Xong việc, được triệu về Kinh thăng tham tri bộ Công.

Năm Thiệu-trị nguyên niên (1841), được bổ tổng đốc Hà-an. Lúc ấy giặc nổi lên ở Ba xuyên tỉnh An-giang, quan tổng đốc Dương-văn-Phong tiêu trận ở Sốc-trăng. Ông vào bái mạng ra đi, vua Thiệu-Trị dụ rằng: « Khanh là người ngay thẳng, siêng năng, nên trẫm sai đi là muốn để khanh lập công ở chỗ ấy, khanh nên báo công cho trẫm ».

* *

Nhân thời đang lúc nóng nực, nhà vua cho ông được nghỉ vài ba tháng rồi đi. Vào đến An-giang ông hợp cùng chưởng vệ là Nguyễn lượng Nhân đem binh tiễu giặc. Binh phân làm 3 đạo, đánh Trà-tâm và Sốc trăng. Giặc cự không nổi, bỏ chạy, để lại lương thảo, bị quân Triều-đình thiêu hủy hết.

Sớ dâng về, vua Thiệu trị phán với đình thần rằng: « Nguyễn-văn-Chương thắng trận, thật không phụ bung trẫm biết người mà dùng. » Rồi thưởng một cái quân công bậc nhất. Lúc ấy trong tỉnh Hà tiên có giặc, quan tỉnh chạy cầu viện, ông sai Nguyễn lượng-Nhân đem quân đi đường bộ, còn mình lại

2 — Lê-văn-Khôi dấy loạn, lấy thành Phiên-an.

thân dẫn quân theo sông Vĩnh-tế kéo thẳng đến Tượng-sơn phá giặc. Dẹp xong, ông lại cùng Tán-lý là Tôn-thất Nghị đánh Sốc-trăng, thừa lúc đêm, cướp trại giặc ở Lạc-sách, được toàn thắng.

Dâng sớ về, vua Thiệu-Trị ban khen và ban cho một đồng tiền vàng. Một ngày ngự triều, vua Thiệu-Trị hỏi về việc giặc ở Trấn-tây, ông Trương dâng Quốc tâu rằng: « Nguyễn-văn-Chương, thạnh thế to lắm, đánh hơn 20 trận đều thắng luôn, lấy đồn giặc hơn 10 chỗ, cướp lương thảo cấp cho dân, lại chia quân làm 4 mặt cùng đánh nên giặc thua chạy hết, chỗ Lạc-hóa (?) nay đã trở nên yên ổn. » Vua phán: « Nguyễn-văn-Chương phụng mệnh ra dẹp giặc, càng đánh càng thắng, lập được nhiều công lao », ban cho một bài thơ để uý lao. Lại gia thăng tổng đốc Vĩnh-long, Vĩnh-tường, ban cho một cái bài bằng ngọc, một cái bài vàng, một đồng tiền vàng.

Năm sau, giặc ở Lạc-hóa lại cùng người Xiêm vào đánh phá. Quan tỉnh Hà-tiên, Gia-định chạy sớ xin thêm súng cùng quân cứu-viện để chống giặc.

Ông Nguyễn-văn-Chương dâng sớ, xin cho đem binh thuyền đến tiếp ứng vua ban khen.

Năm Thiệu-trị thứ 2 (1842) giặc tan, bắt được tướng giặc là Nặc-ông Đôn. Nguyễn-văn-Chương được ban một cái quế-phẩm bằng vàng và một cái đồng hồ.

Năm Thiệu-trị thứ tư (1844), bổ vào làm tổng đốc An-giang, ông dâng sớ xin vào lấy Trấn-tây; đức Thiệu-Trị xem sớ phê rằng: « Việc gì làm cũng phải suy đi xét lại cho kỹ, không nên gấp ».

Năm Thiệu-trị thứ 6 (1846), nhân quân Xiêm thiết kế bắt các viên thuộc lại ở Tây-ninh thị-trường là Nguyễn bá-Hộ, giam giữ trong quân lại phao tin có hoà thì mới tha. Quan tỉnh là Cao hữu Dực làm sớ về triều.

Ông Nguyễn-văn Chương không nghe, làm sớ dâng lên xin khởi binh đi đánh rồi thừa thắng kéo thẳng đến Nam vang, quân giặc tan vỡ.

Nhân có công to ấy, được thăng thự hiệp-biện đại-học-sĩ, sung khâm-sai quân thứ đại-thần, ban cho quân công bậc nhất, một chiếc vòng ngọc, một đồng tiền và một cái kim-khánh.

Đức Thiệu-Trị xét việc Trấn-tây, dụ các quan rằng: « Nguyễn-văn-Chương là người rất có dảm lược, mỗi khi giáp trận, đạn bắn như mưa, các tướng xin cất lọng xuống vì sợ giặc thấy mà bắn, ông ta lại quở rằng: Nếu sợ thì làm tướng làm gì nên chế thêm cho ta 2 cái lọng nữa; vì thế bùng quảng bằng bá, chỉ một trận mà tan giặc. »

Năm Thiệu trị thứ 7 (1847), luận công, ban cho ông một cái ngọc bội, 1 mặt kim tiền, một cái bài vàng có khắc: « An-tây trí dũng tướng », cho đem tướng sĩ, về An-giang nghỉ ngơi. Tháng năm, đức Thiệu Trị có chỉ triệu ông về kinh và sai 1 viên Nội-các, 1 viên thị-vệ ra tận An-hòa mà nghênh tiếp các tướng có công đi chinh Tây khó nhọc.

Lũ ông vào bệ kiến, vua sai vời lên điện, thưởng cho 1 áo gấm thượng hạng, 1 cái quạt ngự có bài thơ rằng:

Giải y quốc sủng biên cương định,
Tử phiến hoàng phong hòn vũ huân.
Thâm niệm tuyên lao hà dĩ đáp?
Đan thư vạn tải kỷ nguyên huân.

Lược dịch:

Vua yêu ban áo, cõi bờ yên,
Quạt rồng nhuần-ơn khắp mọi miền.
Nghĩ biết lấy chi đền khó nhọc?
Ghi công thẻ đỏ mãi muôn niên.

(Bản dịch của Hoa Bằng)

Hôm sau vua ngự triều ở điện Cần-chánh truyền triệu ông lên điện, chính tay rót ban cho 1 chén ngự tửu và dụ rằng: « Khâm-sai đại thần là Nguyễn văn Chương ra gánh vác ở cõi khôn-ngoại, vỗ yên biên cảnh, phục được nước xa, đánh dẹp được Trấn tây, thật là có tài gánh nặng ruổi xa. Nay ban cho 1 chén ngọc và 1 con lạc đà bằng vàng để ghi công. »

Lại phê cho ông lĩnh Công-bộ thượng thư sung Cơ mật-viện đại-thần.

Năm sau, xét công lại tứ tước Tráng liệt-bá và ban cho bài ngọc có khắc bốn chữ « *Huân kỳ thạc phu* » sai đúc súng ghi tên gọi là Bảo đại-định-công đồng pháo và thiếp công vào bia nhà Võ miếu [illegible]

Tháng chín, vua Thiệu-Trị thăng bà, đặt ông làm phụ chính đại thần. Đức Tự-Đức mới nối ngôi, thì ông gặp phải tang cha, xin về đình giản. Nhà vua dụ rằng : « Nghe tin ông thân khanh mất trẫm lấy làm thương tiếc, nhưng trẫm mới lên ngôi, khanh thì làm phụ chính, không nên thiếu mặt ở triều. Vậy nay trẫm ban cho tiền kho 200 quan, gấm vóc, hàng, lụa, các hạng để lo tang sự cho ông thân khanh, trẫm sẽ sai quan về tứ tế, còn khanh cho phép được đoạt tình ở lại để yên lòng trẫm. » Năm ấy trong Kinh-đô và ngoài các tỉnh đều bị đại hạn, ông dâng sớ xin chịu tội.

Năm Tự-đức thứ 2 (1849) ở Kinh-thành và các tỉnh bị dịch chết nhiều lắm, ông cùng các ông Trương đăng Quế Phan thanh-Giản dâng sớ nói 6 điều như xin tha bớt hình ngục, hoãn việc binh thuế và chẩn cấp cho nhân dân. Nhà vua đều y theo cả.

Năm Tự-đức thứ ba (1850), vua Tự-Đức phê cải tên cho ông là Nguyễn tri Phương sung Kâm sai tổng thống Nam-kỳ quân vụ đại thần, kiêm lĩnh các tỉnh Gia định, Biên-hòa, Vĩnh-long, Vĩnh-tường, An-giang, Hà-tiên. Lúc sắp đi, đức Tự-Đức lại dặn ông vào đó phải làm việc hưng lợi trừ hại, tẩy sạch các điều lại tệ và vỗ yên nhân dân. Ông vào đến nơi, dâng sớ về xin làm đồn điền cho dân được nhờ đặt điểm canh cho yên dân, tha thuế đò, thuế chợ tất cả 13 khoản. Vua đều y cả. Nhân có công, được thăng 2 cấp.

Năm Tự-đức thứ tư (1851), ông lại cùng ông Phan thanh-Giản dâng sớ tâu vua xin bớt sự chơi bời, sửa sang việc chính trị, chuộng đều tiết kiệm, bớt kẻ gần thần, phải cẩn thận dùng người, tinh giảm công việc cho nhân dân, thêm bổng hướng cho quan lại, tất cả 8 việc. Vua Tự-đức phán rằng : « các bầy tôi trung ái với vua, biết có điều gì hay, khi thong thả, sẽ về tâu cùng vua. » Nhân thế, ông xin về chiêm vận, vua lại phán rằng : « Nam-kỳ còn nhiều việc, khanh tua gắng lo liệu đã, chờ khi nào công việc xong, trẫm sẽ triệu về, cũng không muộn gì. »

Năm Tự-đức thứ 6 (1853), được thăng thụ Đông-các đại-học-sĩ, nhưng ông xin từ, vì tự xét không có công trạng gì lớn. Vua không cho.

Lúc ấy thổ dân ở Cao-man về đầu, ngụ đồn Thông-bình (thuộc tỉnh Vĩnh-tường) nhiều lắm, quan Tuần-phủ là Nguyễn định Tân dâng sớ tâu rằng : « Thông-bình liền ngay cõi giặc, là một nơi yếu hiểm, nay cho dân Cao-man ở nhiều e nó dòm ngó rồi sinh chuyện. » Vua hỏi ý kiến ông, ông tâu rằng : « Dân Cao-man cũng là thuộc quốc của mình, dân mình lên Cao-man thì không việc gì, bây giờ dân nó đến ở nhờ nước mình, mà mình lại ngăn không cho ở, như thế là bụng mình hẹp hòi lắm ; nghĩ nên cho nó ở để rõ rệt cái lòng rộng rãi của Triều đình. » Vua nghe theo.

Năm ấy xét ông ở ngoài đã lâu, nhiều công khó nhọc, thưởng cho một mặt kim-khánh có khắc bốn chữ « *liêm, bình, cần, cán.* »

Lúc ấy, việc đồn điền trong Nam-kỳ, các quan trong sáu tỉnh, có sớ chạy về nói là không tiện, đức Tự-đức phán hỏi ông phải xét lại, ông làm sớ điều-trần, có 4 đoạn sau đây :

« *Xứ Nam-kỳ đất liền với xứ Cao-man, dân hay sớm ở tốt tàn. Nay trừ phí làm đồn điền để chiêu mộ lấy họ dạy việc khai khẩn thì, những dân sẵn có ruộng nương làm ăn mới ở yên. Vả lại khai khẩn đất hoang là cốt mưu lợi để nuôi dưỡng dân cư nữa. Hiện nay trong Nam-kỳ ở sở đồn điền đã lập được 21 cơ, hơn 100 làng. Sự chia ra từng phe (?) ở mà canh khẩn kết liền lại thành những làng xóm, dân sự sẽ vui mà an cư lạc nghiệp.*

Việc đồn điền này rất lợi cho dân. Duy chỉ có bọn đàn anh khó nhọc là không bằng lòng, hay phao tin đồn nhảm. Các quan địa phương nghe nhời kẻ dưới mà tâu man. Xin bệ hạ xướng dụ cho các quan trong sáu tỉnh : Tổng đốc, Tuần phủ, Bố-chính, Án sát, tri phủ, tri huyện phải thời thường qua lại xem sét tình hình, hễ kẻ nào lười nhác thì trừng phạt. Làm như vậy không đứa, nào giám ăn chơi, mà bỏ trễ công việc làm ruộng, trộm cướp sẽ bớt đi, địa lợi sẽ mở mang ra được, dân sự sẽ trở nên giàu thịnh...

Sớ ấy tâu lên, vua Tự-Đức ưng chuẩn nhưng lại dụ ông phải định điều lệ để dễ việc thưởng phạt.

(Còn nữa)

TIẾN-ĐÀM

Việt-nam văn-học sử

(Tiếp theo trang 5)

Vũ-danh-Sở, rộng xem kinh tịch, đỗ-Giống văn-chương.

Ng. khắc Khoan có tiếng văn-học đều theo vua Gia-long sở bổ hàn lâm (*Đ. n. l. tr.*, q. 19, tờ 3a-4a).

Trương-mạnh-Thành, đỗ khoa 1791, bổ huấn-đạo liền thăng cống-sĩ-viện.

Hoàng-ngọc-Uẩn, đỗ khoa 1791; bổ Quốc-tử giám-thị-học (*Đ. n. l. tr.*, q. 19, tờ 7a 8a).

Nguyễn hoài Quỳnh, lúc nhỏ chịu khó học gặp loạn, ở ẩn dạy học-trò ứng thi khoa 1791 trúng-sách bổ phủ lễ sinh (*Đ. n. l. tr.*, q. 19, tờ 9b 11 b).

Lê-công-Xuân, có tiếng học hạnh sở bổ hàn-lâm viện-trường (*Đ. n. l. tr.*, q. 19, tờ 11b)

Nguyễn-duy Hòa, lúc nhỏ chịu khó học, gặp loạn, vào Nam, gặp Nguyễn-văn-Thành tiến cử chúa Nguyễn (*Đ. n. l. tr.*, q. 19, tờ 11b 14a).

Nguyễn-văn Lễ, trúng cách khoa 1791, bổ cống-sĩ viện (*Đ. n. l. tr.* q. 19, tờ 15 a).

Nguyễn-quang Diêu, có học hạnh, gặp loạn, ở ẩn dạy học, sau theo vua Gia long (*Đ. n. l. tr.* q. 19, tờ 15a-b).

Phạm-quang-Triệt, bổ cống sĩ viện năm 1791; **Lê-đại-Nghĩa**, nhà nghèo ham học, năm 1791 vào Nam yết kiến Chúa Nguyễn; hai người đều được trọng-dụng (*Đ. n. l. tr.* q. 20, tờ 1b 2b).

Trần quang-Tĩnh năm 1788, bổ hàn-lâm viện-trường (*Đ. n. l. tr.*, q. 20, tờ 5a-b).

Nguyễn-công-Tiệp là người thuộc điển cố biết lệ-luật, có làm bộ *Sĩ-hoạn tu-tri*, 6 quyển (*Đ. n. l. tr.*, q. 20, tờ 6a-7a).

Trần-công-Đàn và **Nguyễn-xuân-Tĩnh** sở bổ thị-học và hàn-lâm, sau lần đến tham-tri (*Đ. n. l. tr.*, q 20 tờ 7a 8a).

Ngô-Vị, có tiếng văn-học, vua Gia-long triệu bổ hàn-lâm (*Đ. n. l. tr.* q. 20, tờ 9 b 10a)

Lý-gia Du tức **Lý bình-Đạo**, đỗ hương-cống nhà Lê, đời Gia long được giám đốc sở đúc tiền ở Bắc-thành, có sớ tâu về việc đúc tiền (*Đ. n. l. tr.* q. 20, tờ 11a-b).

Lại có những võ-thần nổi tiếng mà cũng có văn-chương, như **Nguyễn văn-Thắng** là người ham đọc sách thạo vua Gia-long từ khi còn làm chúa, đến khi vua Gia-long đại định Nguyễn-văn-Thành làm tổng-trấn Bắc-thành, mấy lần điều trần đều có việc mở khoa thi dùng hiền tài, khi ở sứ quán có làm hai bộ sách là *Vũ bị chí* và *Tứ-di loại-chí* đề dâng, lại cùng bọn Vũ-Trinh làm hai mươi quyển luật lệ (*Đ. n. l. tr.*, q. 21, tờ 1 a — 29 a). — **Đặng Trần Thường** học rộng có tài đỗ sinh đồ đời Lê-mạt, theo vua Gia-long làm đến tổng-lý Bắc thành (*Đ. n. l. tr.*, q. 27, tờ 15a đến 21b).

Những văn-thần nhà Lê ra làm với nhà Nguyễn, như **Vũ-Trinh** (đã nói trên), — **Nguyễn duy Hạp** tiến sĩ khoa 1772, vua Gia-long vời cho làm hiệp-trấn kinh-bắc — **Lê duy Đản** tiến-sĩ khoa 1775 vua Gia-long vời cho làm hiệp trấn Lạng-sơn, — **Lê-huy-Trâm** nhị giáp-tiến-sĩ khoa 1779, Vua Gia-long vời cho làm đốc-học Kinh-bắc kiêm Thái-nguyên, Lạng sơn, Cao-bằng — **Ngô-Tiềm**, tiến-sĩ khoa 1779 Vua Gia-long vời cho làm đốc-học Sơn tây, kiêm Hưng-hóa, Tuyên-quang, — **Nguyễn đình Tứ** tiến sĩ khoa 1785, Vua Gia-long vời làm đốc-học Phụng-thiên, dần dần làm đến hiệp-trấn, — **Nguyễn Đường**, tiến sĩ khoa 1779 làm quan đến hiến-sát, chủ châu đồng triều; Lê mất, Đường ở ẩn dạy học-trò, Vua Gia-long vời làm đốc-học Sơn-nam thượng, sau vời về làm toản-tu sử-quán, — **Phạm quý Thích**, tiến-sĩ khoa 1779, Vua Gia-long vời cho làm thị-trung học-sĩ, có chép *Lập trai thi tập* lưu hành; — **Vũ đình-Tô** tiến-sĩ khoa 1787, Vua Gia-long vời làm đốc học Hải dương kiêm Quảng-yên, — **Nguyễn huy Thắng** tức **Nguyễn Kiêm** tiến sĩ khoa 1779 Vua Gia-long vời làm đốc-học Sơn-nam-Tả... — **Nguyễn Viên** học rộng, có khi tiết, cố giải-nguyên đời Lê, nhà Lê mất, Viên muốn vào Gia định, nhưng đi không tới nơi, năm 1801 Trương công Vỹ phụng mệnh chiêu dụ Bắc-hà hào kiệt, Viên được Vỹ tiến cử, Vua Gia-long trọng người học-thuật cho ở luôn tả hữu, năm 1802, Vua Gia-long đại định cho viên hàm cần-chính-điện học-sĩ, kiêm thái-thường tự-khanh, Viên viện lẽ từ chối không được, những tờ truyền công-đồng nói về điều lệ hương-ẩm trong đời Gia-long đều do Nguyễn-Viên thảo ra, (xem *Đ. n. l. tr.*, q. 20, tờ 12 a đến 23).

Cứ như thế, không thể bảo « các tướng-tá » đời đức Nguyễn Ánh « là người biết chữ nên phải dùng nôm cho tiện »

Vậy thì từ chữ « cuối có lời » đến chữ « cho tiện » in ở trang 69 quyển *Việt nam văn học sử yếu*, kỳ tái bản, ông Hàm nên bỏ đi

(Còn nữa)

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

NHỮNG TRUYỆN VỀ-VANG TRONG SỬ ĐẠI-VIỆT

SỐ 2

Ứng-hoè NGUYỄN-VAN-TO

Lê Lâm theo vua Lê-Lợi đánh giặc, Tạp, có công. Năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên (1428) có chiếu cho những người có công siêng-năng khổ nhọc ở Lũng-nhai được chọn vào quân thiết-đột, thì Lê Lâm được dự hạng ba, phong làm trung-lượng đại-phu, kiêm-kiêm vệ tướng-quân, tước thượng-trí tự, Suy-trung đồng đức hiệp-mưu bảo-chính công-thần (*Khâm-định Việt-sử*, q. 15, tờ 3a chép).

« Trung-lượng đại-phu phụng-thần-vệ tướng-quân, tước đại-trí tự là bậc nhì; Trung-vũ đại-phu kiêm-kiêm vệ tướng-quân, tước trí tự là bậc ba », so với *Đại-Việt thông-sử* thì hơi khác, vì hạng ba thì phong Trung-vũ chứ không phải trung-lượng tước trí tự, chứ không phải thượng trí). Đến năm thứ ba hiệu Thuận-thiên (1430) Lê-Lâm làm tiên-phong đi đánh Ai-lao, đuổi giặc, đến động Hồng-di, bị trúng mũi tên có thuốc độc rồi mất, truy tặng thiếu-úy. Năm thứ nhất hiệu Quang-thuận (1460), vì con là Lê-Niệm có công định-sách (tức là việc tôn vua Lê Thánh-tông) được gia tặng đô-đốc, năm thứ mười làm hiệu Hồng-đức (1484) truy tặng Trung-lễ hầu, gia tặng thái-úy Trung-quốc-công, thụy là Oai-vũ. Lâm có ba con trai, là Tích, Tung, Dũng, đều có công được phong hầu. Tích sinh Được, Được sinh ba con trai, là Lập, Hạp, Quy, đều tập tước. Còn Lê-Lâm thì sinh ra Lê Niệm.

« Lê-Niệm là người thông-minh từ nhỏ, khí độ hơn người, văn võ đủ cả, nhà nghèo, quán ở xã Duy-tinh, huyện Thuần-hựu. Năm thứ sáu hiệu Thiên bình (1439) do tôn tập ấm được làm cận thị Chánh-chưởng. Năm thứ tư hiệu Thái-hòa (1446) thăng Thiệm-tri nội-thần nội-vệ-sự, theo Lê Thụ đi đánh Chiêm Thành làm chức kỷ lục; khi quân về, thăng chức Đồng-tri. Năm thứ bảy hiệu Thái-hòa (1449) lại thăng chức an-phủ phó sứ Tây-đạo, dần dần thăng chức tuyên-úy đại-sứ trấn An bang. Năm Kỷ mão (1459) Lạng-sơn-vương là Nghi-Dân thí-nghịch; lúc ấy Lê-Niệm làm Xa-kỵ-vệ đồng tổng trì chư quân sự-vụ, Lê-Niệm cùng với đại-thần là Lê-Lăng, Nguyễn-Xí, Đinh-Liệt họp mưu đem cấm-binh dẹp nội-loạn, giết nghịch-đảng là bọn Phạm-Đổn Phan-Ban, truất Nghi-Dân, đón Thánh-tông lên ngôi. Ngày 26 tháng 6 năm thứ nhất hiệu Quang-thuận (1460) bàn công định thưởng, Lê Niệm được phong làm Suy-trung bảo-chính công-thần, Tấn-an trấn Phủ-quân thượng-tướng-quân, được tấn phong Nhập-nội tỷ-mã, tham dự triều-chính, coi các quân ngự-tiền, ban cho Kim-ngư-đại ngân-phù, tước đình-thượng-hầu, cho quốc-tính. Dần dần thăng đến thái-bảo, phong tước Kỳ-sơn hầu. Tháng mười năm ấy bàn công định-sách, phong các công-thần, Lê-Niệm gia thăng Kỳ-quận-công, cấp cho hai trăm mẫu ruộng thế-nghiệp, năm thứ ba hiệu Quang-thuận (1462) gia tăng Nhập nội đô-đốc, đồng bình-chương sự, coi các vệ quân Đông-đạo, kiêm sung chức Quốc-tử-giám tế-tửu. Rồi phụng mệnh làm đề-điệu Quốc-tử-giám. Lúc ấy có con Nguyễn-Xí là Nguyễn-Sư-Hồi làm đô-đốc, tính giảo hiệm, làm thư nặc danh, vứt ngoài đường, sai người lưu truyền trong kinh, định để hãm hại Lê-Niệm và Nguyễn-Lai nhưng thư ấy chưa kịp lưu truyền mà việc gian đã tiết lộ, các quan xin làm tội Nguyễn Sư Hồ. Vua Thánh-tông nghĩ rằng cha Sư-Hồi là Nguyễn-Xí có công cao, nên không nỡ làm tội, chỉ ban sắc yên-ủi Lê-Niệm và Nguyễn Lai. Năm thứ tư hiệu Quang-thuận (1463) Lê Niệm được làm quan đề-điệu thi hội. Năm thứ tám (1467) vua ngự Tây-kinh (Thanh-hóa) Lê-Niệm được làm Đông-Kinh lưu thủ (tức là giữ thành Thăng long thay vua), lên thăng Bình-chương quân-quốc trọng-sự. Năm thứ chín (1468) theo vua vào Tây-kinh. Năm thứ nhất hiệu Hồng-đức (1470) vua đi đánh Chiêm-thành: Lê-Niệm sung chức Trinh-lỗ phó-tướng quân cùng với Đinh-Liệt đốc thủy-binh tiến lên trước; năm 1471, thắng được thành Đồ-bàn (tức chà-bàn) bắt được Trà-Toàn. Khi quân trở

về, bàn công, Lê Niệm được thực phong ba trăm hộ. Lại làm Binh-sai tướng-quân cùng với phó-tướng là Trịnh-công-Lộ để lĩnh mộ quân, và đem ba vạn quân ở trấn Thanh, Nghệ và Thuận-hóa, đi vào Quảng-nam để tiễu trừ quân giặc, bắt được Trà-Toại đưa về Kinh-sư. Năm thứ mười hiệu Hồng-đức (1479) vua phong Lê Niệm làm tướng-quân, đem quân đi đánh Bồn-man, thắng trận: vua Bồn-man là Cầm-công chạy rồi chết. Vua Lê mở rộng cõi đất đến sông Trường-sa giáp giới nước Diễn-điện rồi về. (*Khâm-định Việt sử*, q. 23, tờ 29 a, chép là sông Kim-sa và chú rằng: Theo *Vân-nam-chí* thì sông Kim-sa phát nguyên từ phía tây nước Thổ-phồn đến nước Diễn-điện thì chảy ra bể). Năm thứ mười ba hiệu Hồng-đức (1482) Lê Niệm được gia phong làm suy-trung bảo-chính minh-nghĩa đồng-đức thuần-tín công-thần mở phủ riêng, chức thái-phó tước Tĩnh-quốc-công. Đến năm ba năm thứ mười sáu hiệu Hồng-đức (1485), Lê-Niệm mất, truy tặng thái-úy, thụy là Trinh ý.

Lê-Niệm là dòng dõi cựu-thần rồi làm tướng, giúp vua gần ba mươi năm, thường đem quân đi đánh dẹp được công to, danh đắc vọng, là người hoàn-danh bị phúc ở triều đình, được đời khen ngợi. Có học, giỏi thơ, vua Lê Thánh-tông mỗi khi đề vịnh, thường sai Lê-Niệm họa vần, chỗ nhà ở gọi là Thuyền-hiên; có chí khí bắt chước Đào-chu, tuy thân ở chốn lang miếu, mà phong-trí thanh-đạm, ra ngoài trần-tục, người ta phục là cao-phong; Lê-Niệm có 25 con; 15 trai, thì 3 tước hầu, 2 tước bá, 2 tả-đô-đốc, 1 thượng-thư; 10 con gái, thì 4 hoàng hậu, một công tần. Cuối đời Lê (tức là hồi Lê Quý-Đôn làm quyển *Đại-Việt thông-sử* năm 1749) con cháu Lê Niệm ở Ngọc thôn phủ Hoằng-hóa, Thanh-hóa, có đến hơn trăm người.» (Dịch theo *Đại-Việt thông-sử*, bản sao trường Bác cổ, số A 1319, q. 31 tờ 29 a đến 34 b)

Đây là một truyện Lê-Lai, tôi dịch ra như thế, để khi ông Lân cho in lần thứ hai, sẽ đem sách cho nhờ ra mà so sánh lại, thì sách của ông sẽ được hoàn toàn.

Không những một truyện Lê-Lai, các truyện dưới đều sai nhầm như thế cả. Năm truyện Nguyễn-Trãi, trang 13 ông Lân chép Nguyễn-Phi-Khanh ở làng cũ nhỏ, nói: « Cảnh tên là Nguyễn-Ứng-Long... đổi tên là Phi-Khanh để làm quan với nhà Hồ »: câu ấy không đúng. *Đăng-khoa bị khảo* (q. Sơn-nam, tờ 19 a) chép « Nguyễn Ứng-Long tên tự là Phi-Khanh » chứ không phải là đổi tên. Trang 17, ông Lân chép « lỗ-bạ »: chữ ấy là « lỗ bộ » [illegible] miền hồ, người ta cũng gọi là « lỗ bộ ». Cùng trang 17 ông Lân chép « Nhân-chung quan mình ít thấy những bậc [illegible] nhân q[illegible]tử, mà chỉ thấy nhiều kẻ [illegible] kết bè lập đảng với bọn gian [illegible], ông bèn dâng sớ xin về hưu-dưỡng ở trại Côn-sơn, thuộc huyện Chí-linh... Nhưng được ít lâu, Vua Thái-tông lại xuống chiếu vời ông... Ông lại về cung chức ». *Việt-sử tổng-vịnh*, q. [illegible], tờ 12 a và *Đăng-khoa bị khảo*, q. Sơn-nam tờ 19 b, chép rằng: « Trong đời Lê Thái-tông (1434-1442) Nguyễn-Trãi làm nhập nội hành-khiển cùng vua Thái-tông nói nhân nghĩa và bàn định lễ nhạc, có nhiều điều không hợp (vì ông không hợp với hoạn thủ Lương-Đăng), năm ấy Nguyễn Trãi sáu mươi hai tuổi, xin trí sĩ, về ở Côn sơn. Vua thái tông bằng lòng cho... » chỉ có thế thôi, không thấy sử nào chép vua Thái tông lại vời Nguyễn Trãi. Đến trang 19 ông Lân chép [illegible] nhà vua (Thái tông) bị cảm mà băng hà; xem *Khâm định Việt sử*, q. 17, tờ 23 a, chép [illegible] vua (Thái tông) bị ngược tật, Thị Lộ vào bầu sưởi đêm, rồi [illegible] mất ». Trang 20 ông Lân chép « Hình quan chỉ gặng hỏi Thị Lộ có hai điều: một là [illegible] nàng dâu độ nhà vua không? hai là có phải Trãi mưu thí nghịch không? Lúc đầu Thị-Lộ còn hết sức kêu oan. Nhưng sau vì bị tra khảo đau quá nàng không cưu nổi, bất đắc dĩ phải nhận liều ». Đoạn này chính sử không thấy chép. Đã gọi là quyển sử có « vần » cho nước, không nên thêm bớt quá. Lại như trang 21, ông Lân chép: « Anh-Võ tin dùng [illegible] trường », trang 22, chép « được bổ trí huyện Tây chân » *Khâm định Việt sử* q. 19 tờ 26 a b, chép « Anh-Võ đổ hương cống,

(Xem tiếp trang 20

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 82

Ứng-hoè NGUYỄN-VAN-TỐ

CXXXV. — Kim-Vân-Kiều *(bài nối)*

Câu « Lầm-dầm khấn-khứa nhỏ to Sụp ngồi và (vài) gật trước mồ bước ra » bản quốc ngữ mới (của ông Vĩnh, do Thư-xã Đắc lợ xuất bản năm 1942, tr 26) chép là « Sụp ngồi đặt ở trước mồ bước ra » và chú thích rằng « ở bản cổ nhất, do âu *Kinh Thi* : sinh xô nhất thốc », nghĩa là một năm cỏ mọc, và cho rằng tục dâm mạ có lệ để nắm cỏ ở trước mộ đổ rượu vào cũng, hay là có nghĩa để thay nén hương. Về nghĩa để thay nén hương bên bản chữ nho đã có chữ « Kiều tuất tố vi hương, đảo thân tử bái », nghĩa là « Kiều vuốt đất làm hương (*ta kiếm một vại nén hương*), cúi mình bốn lạy (*sụp ngồi và gật* » : như thế thì không phải dùng chữ « đặt cỏ » nữa, mà chữ « và gật » mới đúng bên bản chữ nho là chữ « tử bái ». Còn tục đổ rượu lên cỏ thì hiện nay ở hương thôn hãy còn theo *Chu-công Gia-lễ* và *Thọ-mai* tế bố mẹ có lệ đổ rượu lên trên đám cỏ. Thế thì không hợp vào cảnh Kiều viếng Đạm tiên ; vả lại phải có rượu nữa mới thành lễ : « gặp-gỡ giữa đường », hương đã không cỏ, làm gì có rượu ?

— Các bản đều viết : « Lại càng mê-mẩn tâm thần, Lại càng đứng lặng tần-ngần chẳng ra », duy kinh bản chép « Lại càng đứng sững tần-ngần chưa ra ».

— Câu « Vâu rằng : Chị cũng nực cười, Ký eo dự nước mắt khóc người đời xưa » kinh bản chép là « khóc người cổ-sơ », tưởng thế mới đúng vì liền câu ấy có câu « Rằng : Hồng-nhan tự thuở xưa » ; không bao giờ hai vần lại trùng nhau như thế.

— Các bản nôm đều viết : « Phong-tư tài mạo tốt vời, Vào trong phong-nhã ra vào hào-hoa ». Bản quốc-ngữ (tr. 37) chép là « tuyệt vời », xem ra không hay bằng chữ « tốt vời ».

— Các bản nôm đều viết : « Nước non cách mấy buồng đào, Những là trộm dấu thầm yêu chốc mòng », Bản quốc ngữ (tr. 38) chép là « buồng thêu » và dẫn câu « Thiên hương-dữ hồng-khuê, Tương cận chỉ xích nhân đều nhược hà sơ », nghĩa là hương trời cùng chốn hồng khuê (buồng the của đàn bà), gần nhau gang thước mà xa như sông nước. Vì chữ « hồng-khuê » (nghĩa đen là buồng đỏ) nên đặt là « buồng đào ». Chữ « buồng thêu » cũng có nghĩa là chỗ đàn bà con gái, nhưng không đúng chữ dịch.

— Quốc-ngữ (tr 39), phường bản và mấy bản nôm khác đều viết : « May thay giải cấu tương phùng, Gặp tuần đỗ lá thoả lòng tìm hoa ». Chữ « đỗ lá » ấy các bản đều chú là lối chơi của trẻ con. Duy kinh-bản chép là « dỏ lá » và dẫn chữ « dỏ lá » do câu « hồng diệp thị lương môi » : lá dỏ tức là người mối tốt.

— Câu « Dưới cầu nước chảy tro g veo » có bản chép là « Dưới dòng » cũng được. Đến câu liền đấy, thường viết là « Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha ». Duy kinh-bản chép là « bóng chiều la-tha », có lẽ phải hơn, vì « thướt-tha » là bóng người, chứ không phải bóng nắng buổi chiều. *Kim-Vân-Kiều chú* (bản sao của Trường Bác-cổ, số A B 233, tờ 19 b) chép là « Dưới khe nước chảy trong veo, Bên cầu lục liễu bóng chiều đã ra ».

— Các bản đều viết : « Gương Nga chênh-chếch dòm song, Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân ». Duy kinh-bản chép là « Mảnh trăng chênh-chếch dòm song, Vàng gieo đáy nước, cây lồng bóng sân », và chú

Sắp in

ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

(Cuộc vận động khoảng 1907-1908 của các nhà chí sĩ)

Tác-giả HOA BẰNG

cậu ấy « bắt-chước *Hoa-tiên* » ở câu: Vầng trăng vằng-vặc song sa, Bóng cây vẽ biếc màu hoa đọn thềm ». Chữ « gương Nga » và « mảnh trăng » cùng nghĩa là mặt trăng, nhưng câu này dùng chữ « mảnh trăng » thì phải hơn, vì dưới có chữ « chênh-chếch », nên dùng chữ « mảnh », tức là trăng thiếu. Còn chữ « gương », tức là trăng tròn, thì xuống chữ « chếch » không dùng.

— Câu « Hải-đường lả ngọn đông-lân, Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà », kinh-bản chép là « rã ngọn đông lân, » tưởng cũng có nghĩa, vì « rã » là rời-rã, mà các bản chú-thích đều chua câu ấy do câu « Hải đường thụy vị-túc da », nghĩa là hoa hải-đường ngủ chưa đủ ư? Câu này Đường Minh-hoàng bỏ Qui phi. Lúc ngài ngủ thì người rời rã.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Báo mới

— *Việt Nam tân báo* — báo ra hàng ngày ở Huế. Số 1 ra 21-3-1945 — Giá 0$10.

— *Duy nhất* — ra ngày thứ bảy — tòa báo 25 Đường Bến-Bẹ — Nam Định — mỗi số một đồng.

Xin giới thiệu với các bạn hai tờ báo mới và thành thực chúc các bạn đồng nghiệp thẳng tiến trên con đường ngôn luận.

TRI TÂN

Số sau 185-186 ra ngày mùng 10 tháng 5-1945 sẽ là Đặc-San về :

VIỆT - NAM GIẢI - PHÓNG

— **Ứng-hòe Nguyễn-văn-Tố** sẽ trình bầy công cuộc gây nền độc-lập qua các triều đại với những tài liệu chắc chắn và chưa hề ai dịch ra quốc văn.

— **Tiên-Đàm và Trúc-Khê** sẽ hiến các bạn những điều mắt thấy tai nghe trong thời Pháp đô hộ.

— **Hoa-Bằng** sẽ lần lượt kể rõ ràng những cuộc quật khởi từ khi Pháp thuộc và những câu đối rất hay về việc Hoàng-Diệu tử trung.

— **Phạm-mạnh Phan** sẽ tặng các bạn những chương trình hành động của Việt-Nam quốc-dân-đảng cùng những bài ca cách-mệnh trong một cuộc phỏng vấn đầy đủ và công phu.

— **Cách-Chi Nguyễn-Phường** sẽ bàn cùng các bạn một công cuộc kiến thiết cho tổ quốc mà nói về việc học độc-lập.

— **Khái-Sinh** sẽ nhân cuộc Việt-nam giải phóng, mà bàn về việc dụng nhân hành chính.

NGOÀI RA CÒN NHIỀU BÀI KHÁC VIẾT RẤT CÔNG PHU CỦA CÁC VĂN HỮU QUEN BIẾT NHƯ

Ngân-Giang, Hoàng-thiếu-Sơn, Song-Côi, Lê Thước, Long-Điền v.v. v.v.

DÀY 40 TRANG GIÁ 3$00

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân tổng An-Tư công-chúa và Thoát-Hoan, đạc thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫn thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 29

Đang lúc bất phân thắng phụ, người nổi lênh bềnh trên mặt nước và máu đỏ loang sông, thì viện binh Ô Mã Nhi tới. Quân Nguyên càng thêm hăng, quân ta cũng chẳng kém, bảo nhau :

— Thách cả Ô Mã Nhi, chúng ta khốn cần, anh em cứ vững tâm

Ô Mã Nhi sắn lại đánh Chiêu Thành vương, mười tướng xúm lại mà đỡ, thảy đều loạng choạng, rút cả xuống. Mã Nhi thực có một sức khỏe thiên thần, dạng lăng máu nó càng hung mãnh,

Tướng sĩ vẫn cứ lăn xả vào chống Ô Mã Nhi để Triệu tiên sinh đánh Toa Đô. Nếu không có tiên sinh, thì thế trận của ta đã vỡ từ ban giờ. Toa Đô thực là vô-địch. Đương lúc quân ta có phần núng thế, thì tiếng chiêng trống vang lừng nổi lên : Chiêu văn vương và Nguyễn Khoái dẫn đại binh, lên, đi một ngành sông khác đánh vào sườn quân Toa Đô. Thuyền tướng quân Nguyễn Khoái, đi nhanh như gió. Đứng trước mũi thuyền, Nguyễn Khoái nói to :

— Anh em cứ vững tâm đánh đi, giặc mất mưu, vương gia rồi. Khoái đến đây thì trăm Ô Mã Nhi cũng không đáng sợ.

Thấy Chiêu văn vương, quân sĩ đã nức lòng, lại thấy có Nguyễn Khoái, mọi người lại càng vững. Quân ta reo vang lừng :

— Tướng quân Nguyễn Khoái, mau đến đây đánh Ô Mã Nhi giúp anh em, không có thì hỏng cả.

Chỉ một nháy mắt, thuyền Nguyễn Khoái đã lẫn với thuyền giặc. Biết Nguyễn Khoái là tướng giỏi, Mã Nhi không dám luyến chiến với những người khác, xoay ra đánh với Nguyễn Khoái. Chiêu văn vương đứng trước mũi thuyền thúc trống. Các tướng sĩ như thêm sức, và những người đã mệt khoái hỗng thấy mình khỏe lại. Thuyền nhà và thuyền giặc lẫn lộn nhau, có khi thuyền nhà quân giặc dùng, có khi quân ta đứng trên thuyền giặc, hết đâm chém, đến giằng cơ nhau mất gươm mất giáo, hay cầm mũ trụ phang nhau, hay vật lộn nhau trên mạn thuyền; ngã lăn cả xuống sông mà còn không bỏ nhau ra, cào cấu nhau, cho đến khi cả đôi cùng chìm lỉm xuống dưới nước. Dũng quân cũng như quân Triều đình, đánh cũng không kém. Có người cắt cụt một cánh tay, ngã vật xuống nước, còn một tay vân cố bơi đến thuyền giặc, nghiến răng chuyền hết sức bình sinh lôi cả chiến thuyền, tuy không làm đắm được nhưng cũng làm chòng chành khiến cho quân giặc loạng choạng, gở tay không kịp bị quân ta giết chết.

Lại vừa may, Ô Mã Nhi bụt chân bị Nguyễn Khoái đánh ngã vật vào trong khoang thuyền. Khoái định nhảy sang Nhương Toa Đô đã rõ cơ nguy, đành bỏ Triệu Trung xông ra cản Nguyễn Khoái. Triệu tiên sinh thừa cơ vẫy lá cờ lệnh, bộ quân tiến sang, Trận giặc vỡ hẳn và chiến thuyền của ta ầm ầm kéo sang, quân Nguyên không còn chống đỡ gì. Chúng kêu khóc như ri. Quân ta khí ấy hung hơn quân Mông cổ. Giặc cùng đường nhảy cả xuống sông, lớp ngóp chạy lên bờ Chỉ ân hận rằng để Toa Đô và Ô Mã Nhi chốn thoát và cướp được nhiều chiến thuyền đi. Khi quân giặc đã chạy xa, quan quân ta gươm vào vỏ trông thấy ánh nước đỏ ngầu, anh em nhìn lên trời, mới biết trăng đã mọc từ lâu. Nhìn nhau ai nấy bết be những máu, quần áo rã rượi. Nhưng vui không biết thế nào kể được. Người nhẹ như bay được lên tới chín tầng mây, ai cũng muốn báo ngay cho Triều-đình biết tin mừng. Ba tiếng « Hàm tử quan » nghe êm hơn nhời ru. Không ai muốn bỏ khúc sông ấy. Lòng say sưa đến nỗi không kể

nghĩ đến việc đi tắm gội, thay quần áo và rửa độ binh.

Chiêu văn vương điểm tướng sĩ, thiệt mất hơn vạn người, nhưng ước lượng số giặc chết và bị bắt có hơn ba vạn. Chiến thuyền bắt được hai trăm chiếc và binh khí tinh kỳ chất đống lên bên bờ sông, thành ba ngọn đồi. Tính ra có năm vạn người, ta đã bại được mười vạn quân Mông cổ. Chiêu văn vương ủy mọi người. Dân quanh vùng đem trâu bò và rượu ra thết quan quân. Vui quá và mệt quá, không ai ăn được, xem ý dân gian sung sướng hơn quân quân nhiều. Ngay sáng hôm sau, Chiêu văn vương trao thưởng và sổ công lao tướng sĩ cho tiền tướng về báo tiệp.

Vua Thiệu-bảo nói

— Nghe bầu nói cũng vui, chắc sự thực còn vui hơn nhiều lắm. Hôm nay Hầu cùng trẫm ăn một bữa tiệc chung, gọi là mừng một trang trắng sĩ. Hầu không được từ, ý trẫm đã quyết.

Hầu thưa :

— Quan gia ban ân, tiểu tướng lẽ nào dám từ. Chỉ nghĩ tiểu tướng, đã không có công trạng gì, lại cướp cả công lao của anh em ngoài mặt trận, thực không phải nhẽ.

— Cái đó không hề gì. Trẫm biết cả rồi. Tin của bầu đem về cũng đã đáng thưởng rồi.

Hoắc vân bầu lạy tạ. Vua lại nói Hưng-Đạo vương

— Ta đã thắng ở Hàm tử, Toa Đô đã lại ; ta nên làm gì bây giờ, xin Quốc công chỉ giáo cho ?

Quốc công nói :

— Quân ta mới thắng, sức lực đang hăng, quân Nguyên mới thua tất cũng chột dạ. Cứ như ý lão phu, ta nên sai mặt đại tướng đem binh thuyền ra bắc, khôi phục Thăng-long được rồi.

Thượng hoàng và vua mừng rỡ. Vua hỏi :

— Việc khôi phục Thăng-long không phải là việc dung dị. Nhỡ một chút thì hỏng cả trận Hàm tử quan. Ta phải chọn một đại tướng có thực tài, ngỏ hầu mới cáng đáng nổi việc lớn ấy. Quốc công định cử ai ? Hay truyền lệnh cho Chiêu văn vương đánh lên ?

— Không được. Văn vương phải ở đấy giữ rịt Toa Đô không cho hợp với Thoát Hoan. Việc này rất quan trọng. Nhỡ ra thì hỏng hết.

(còn nữa)

NGUYỄN-HUY TƯỜNG

GIẢI THƯỞNG GIÁO DỤC TOÀN QUỐC CỦA HỘI TRÍ THỂ DỤC THÁI BÌNH

Hội Trí thể dục Thái bình vừa đặt một giải thưởng để thưởng cuốn sách nào bàn được xác đáng về vấn đề giải quyết giáo dục Thanh niên, mà hội đó nêu ra như sau này :

« So sánh các phương pháp giáo dục đông và tây, chọn phương pháp nào thích hợp cho sự cải tạo Thanh niên hiện đại »

1°) Theo đề viết một cuốn sách bằng Quốc ngữ, dài ít nhất 300 trang giấy khổ 21 X 27.

2°) Phải là sách trước tác hay biên khảo, không nhận sách dịch.

3°) Phải viết một lối văn phổ thông để có thể làm sách phổ thông giáo dục.

4°) Sách khảo cứu thì phải liên rõ sách đã tham khảo, tên tác giả và số trang lược trích văn.

GIẢI THƯỞNG

Một giải	*1.500$*
Giải khuyến khích	*500$*

Thể lệ

1°) Hạn nhận sách đến 30 Septembre 1945.

2°) Sách được nhận thưởng, bản quyền thuộc Hội Trí thể dục, nhưng mỗi lần xuất bản tác giả được hưởng 10% tiền lãi về số sách bán được.

3°) Sách thì phải gửi bảo đảm cho ông Phạm Phan Côn, Hội Trưởng Hội Trí thể dục Thái bình, trong phong bì lớn, không được đề tên thực. Tên hiệu và tên thực phải viết vào một phong bì dán kín khác.

4°) Hội Trí thể dục có quyền không phải thưởng, nếu không có tác phẩm nào xứng đáng, hay thể hội vẫn tặng giải khuyến khích cho tác phẩm nào xem ra có giá trị nhất.

Các nhà văn dự thi có điều gì muốn hỏi thêm, xin viết thư cho ông Trần thiên Bảo Hội Trí thể dục Thái Bình.

Nhân viên Hội đồng chấm thi sẽ công bố trên báo sau.

Vấn đề giáo dục Thanh niên là một vấn đề cấp bách. Ta thử chờ xem người sẽ lĩnh giải thưởng kia giải quyết vấn đề giáo dục ra sao, trong tình trạng xã hội hiện thời.

Hộp thư

Ô. V. t. Yên-Phúc Nhạc Ninh Bình — Các số báo ông hỏi đều hết. Rất tiếc.

... cụ Dương Bá-Trạc

(Tiếp theo trang 7)

— Nhưng cụ ơi! Trật-tự khác với gia-cấp. Bây giờ tôi làm phụ huynh một nhà, nếu tôi bảo các con em: « Hữu sự, đệ tử phục kỳ lao; hữu tửu tự, tiên sinh soạn.. » (1), rồi có những miếng ngon miếng lành, tôi cứ nhem nhẻm ngồi ăn một mình, mặc tử đệ phải làm cực nhọc, thì tôi sẽ bị lọ cô g kiên mất thôi! Mà có sợ bị người ta công kí h như vậy, tôi mới lo sửa mình, khô g dám buông-lung chứ?

— Sửa mình? đời nào chẳng phải sửa mình? Càng làm phụ huynh càng phải cẩn-cẩnh lo sợ hơn. Cái câu chữ nho kia chỉ là một cái chi-tiết, không nên nhận chi-tiết làm cả toàn thể. Chẳng qua ông Thánh tùy từng người mà dạy bảo đó thôi.

— Nhưng nó lưu tệ nhiều quá, nên ta mới có những câu như: « Muốn nói ngoa, làm cha mà nói », và: « làm em, ăn thèm, gánh nặng! »

Cụ Dương với giọng bi quan:

— Bây giờ họ không kiêng-nể một ai, chê-bai, công-kích lung-tung cả, thế thì những người đứng-đắn nói ra, còn ai nghe theo nữa?

— Vậy ra cụ muốn chuyên-chế về tư-tưởng à? Phải để cho người ta phê-bình hành-vi của mình chứ? Nếu muốn ai cũng sợ mình, không dám công-kích thì mình không tiến được! Cụ có biết tại sao về đời Xuân thu, Chiến-quốc bên Tàu, tư-tưởng được phát triển

Những truyện vẻ vang

(Tiếp theo trang 15)

và « được bồ đồng tri châu ». Cả câu thơ chữ nho « Ức-trai tâm thương quang khuê tảo », dịch là « lòng Ức-trai sáng như sao » thì thiếu nên dịch là « trên lòng Ức-trai sáng như sao khuê ngọc tảo », vì sao Khuê chủ về văn chương, và tảo cũng có nghĩa là văn, cả hai chữ là nói văn chương bóng bẩy.

Đây là mới xét hai truyện trên, còn những bài dưới đại khái cũng nhầm lẫn như thế. Nên tôi bàn với ông Lân xem lại sách chữ nho mà đính chính, thì sẽ thành một quyển giáo khoa có giá trị.

Đào NG.-VAN-TỐ

đến thế kỉ ai cũng có quyền công-kích chỉ-trích việc quấy của người khác, nên ai nấy phải gắng sức, phải ganh đua, thành thử tư-tưởng và học-thuật bấy giờ mới được phát-đạt như vậy.

***

Những lời cao luận hùng đàm của cụ Dương hãy còn vang-vẳng bên tai, thế mà ngày tháng thấm-thoát qua, nay cụ Dương đã ra người thiên cổ! Viết bài này, ngoài ý ghi lấy đôi chút đư-âm của một nhà văn vừa mới qua đời, tôi còn muốn đánh dấu những ý-kiến đồng của xong-phương cách nay hàng mười năm lắm!

HOA-BẰNG

1) Có việc thì con em phải chịu khó làm; có cơm rượu thì nhà thày ăn nống.

Mấy lời tha thiết.

(Tiếp theo trang 5)

Nếu các ngài làm được như thế, thì không những quốc dân sẽ quên những cái ác trước của các ngài, mà lại còn biết ơn đến cái điều thiện này mà các ngài đã làm, mà lại còn phục các ngài về chỗ *tri quá vật đạn cải* nữa.

Ngu này vì quốc dân mà cũng vì các ngài, bày một chước mọn này, dám thành thực tha thiết mong các ngài chong-chóng đem ra thực hành, như thế thì dân ta, nước ta may mắn biết bao!

Được như thế thì thực nước Đại Việt ta đã đến ngày hưng thịnh, và đủ tỏ ra cho các lân bang biết rằng tinh nghĩa quốc gia của ta bền chặt lắm lắm, mà tất cả các phần tử quốc dân ta đều xứng đáng với nền độc lập đang gây dựng bấy giờ.

Dịp này là một dịp độc nhất, cho các ngài để chuộc tội với quốc dân, mong các ngài đừng để nhỡ, kẻo đến lúc hối lại không kịp nữa.

Mong lắm thay!

NAM-HẢI cư sĩ

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Dương

2$00 một vé

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA: Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý: Nguyễn-Tường-Phượng Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hanoi.